

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp nước
và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang cung cấp
trên địa bàn tỉnh Hậu Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của
Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 124/2011/NĐ-CP ngày 28 tháng 12 năm 2011 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11
tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Nghị định số 177/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2013 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Nghị định số 149/2016/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2016 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 177/2013/NĐ-CP
ngày 14 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi
hành một số điều của Luật Giá;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2008/TT-BXD ngày 02 tháng 01 năm 2008 của Bộ
trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Nghị định số
117/2007/NĐ-CP ngày 11 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ về sản xuất, cung
cấp và tiêu thụ nước sạch;*

*Căn cứ Thông tư số 44/2021/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2021 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định về khung giá, nguyên tắc, phương pháp xác định
giá nước sạch sinh hoạt;*

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định về giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang cung cấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các tổ chức, cá nhân (người Việt Nam hoặc người nước ngoài) trực tiếp sử dụng nước sạch sinh hoạt do Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang cung cấp nước sạch cho mục đích sinh hoạt trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

2. Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang và các cơ quan, tổ chức, các nhân khác có liên quan.

Điều 3. Giá tiêu thụ nước sạch

STT	Nhóm khách hàng sử dụng nước sạch cho mục đích sinh hoạt	Lượng nước sạch sử dụng/tháng		Đơn giá (đồng/m ³)
		Mức (m ³ /đồng hồ/tháng)	Ký hiệu	
Nhóm 1	Hộ dân cư	Từ 1m ³ - 10m ³ /đồng hồ/tháng	SH1	6.800
		Từ trên 10m ³ - 20m ³ /đồng hồ/tháng	SH2	7.800
		Từ trên 20m ³ - 30m ³ /đồng hồ/tháng	SH3	10.000
		Trên 30m ³ /đồng hồ/tháng	SH4	10.700
Nhóm 2	Cơ quan hành chính; đơn vị sự nghiệp công lập; trường học, bệnh viện, cơ sở khám, chữa bệnh (công lập và tư nhân); phục vụ mục đích công cộng (phi lợi nhuận)	Theo thực tế sử dụng	HCSN	9.600
Nhóm 3	Tổ chức, cá nhân sản xuất vật chất	Theo thực tế sử dụng	SX	10.000
Nhóm 4	Tổ chức, cá nhân kinh doanh, dịch vụ	Theo thực tế sử dụng	KD	12.000

Giá trên bao gồm chi phí dịch vụ môi trường rừng; chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng và phí bảo vệ môi trường đối với nước thải sinh hoạt.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 10 tháng 7 năm 2023 và thay thế Quyết định số 44/2020/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang quy định giá tiêu thụ nước sạch sinh hoạt nông thôn do Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang cung cấp trên địa bàn tỉnh Hậu Giang.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Công ty Cổ phần Cấp nước và Vệ sinh môi trường nông thôn Hậu Giang; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- VP. Chính phủ (HN - TP.HCM);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Bộ Tài chính;
- Bộ Xây dựng;
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Tổng cục Thuế;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy;
- VP. ĐĐBQH và HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Như Điều 5;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NCTH.TM

E:\11.VBQPPL\23.VBQPPL.QDUB NSVSMT.23-STC\Ban hành QĐ NSVSMT

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Cảnh Tuyên